

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2024
V/v: *Ly hôn, con chung*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đình Sở.

Ông Bùi Đức Quảng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/ QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Phạm Trọng Q**, Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L và anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh Q có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với nhau tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận,

hạnh phúc. Đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác anh Q có mối quan hệ bên ngoài không quan tâm, chăm lo đến gia đình, chị có nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi, có lần còn đánh chị L, vợ chồng xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã ngồi lại để nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tự khắc phục được mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân, chị L dọn về nhà bố mẹ để ở phố Phú Gia, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn để ở, vợ chồng không ai còn quan tâm, hỏi han đến nhau. Chị L xác định tình cảm với anh Q không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Thu H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Trọng V, sinh ngày 05/05/2007. Ly hôn quan điểm chị L là cháu H đã thành niên chị không có đề nghị gì, đối với cháu V đã lớn ở với ai do cháu tự quyết định, nếu cháu ở với chị thì chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu cháu ở với anh Q thì chị cũng nhất trí. Hiện nay chị L đang làm giáo viên có thu nhập khoảng 12.000.000đ đến 13.000.000đ/ 01 tháng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất, tuy nhiên ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Nguyễn Thị L khẳng định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Phạm Trọng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận về thời gian, điều kiện và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Theo anh Q sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q nhắn tin, qua lại với người khác chị L có biết được, từ đó chị L không tin tưởng anh Q, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để ở phố Phú Gia, thị trấn Thanh Sơn để ở từ khoảng tháng 12 năm 2023 đến nay không về chung sống cùng anh, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì hai bên có tìm mọi cách, ngồi nói chuyện với nhau để phân tích đúng sai, bỏ qua mâu thuẫn nhưng không thành, tình cảm vẫn lạnh nhạt. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Q không đồng ý ly hôn, với lý do anh không muốn con cái thiếu thốn tình cảm của bố mẹ, muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ gia đình chung sống với nhau.

Về con chung: Anh Phạm Trọng Q trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thu H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Trọng V, sinh ngày

05/05/2007. Nếu phải ly hôn quan điểm anh Q là cháu H đã thành niên anh không có đề nghị gì, đối với cháu V đã lớn ở với ai do cháu tự quyết định, nếu cháu ở với anh thì anh sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu ở với chị L thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Anh Phạm Trọng Q xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất, nếu ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Anh Phạm Trọng Q khẳng định vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 31/01/2024. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Phạm Trọng Q. Về con chung: Cháu Phạm Thu H, sinh năm 2000 đã thành niên, ly hôn chị L và anh Q không có đề nghị gì nên không xem xét. Giao con chung của anh chị là cháu Phạm Trọng V, sinh ngày 05/05/2007 cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Phạm Trọng Q, đối chiếu với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 31/01/2024, chị Nguyễn Thị L nộp đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh Phạm Trọng Q được Tòa án tổng

đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1+3 Điều 228; Điều 238-Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trọng Q đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Đến khoảng năm 2005 cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn gay gắt nhất là cuối năm 2023, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không cùng nhau có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân anh Q không quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ bên ngoài, mặc dù chị L đã khuyên bảo, tha thứ cho anh Q nhiều lần nhưng anh không có thay đổi. Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân ngày 19/01/2024 tại khu hành chính khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh Sơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2024 của bà Ngô Thị Thắng là mẹ đẻ chị L cũng xác định, vợ chồng chị L và anh Q có mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, thực tế hôn nhân của anh chị đã không hạnh phúc với nhau một thời gian dài. Về phía anh Q trong quá trình làm việc tại Tòa án, biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 anh Q cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có, chị L và anh Q cũng đã tìm cách tháo gỡ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không tự khắc phục được, anh chị sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, Phía anh Q không đồng ý ly hôn, nhưng anh không có biện pháp tích cực nào để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng, bản thân chị L cương quyết không về chung sống với anh Q. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin ly hôn với anh Q là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trọng Q đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thu H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Trọng V, sinh ngày 05/5/2007. Khi ly hôn quan điểm chị L và anh Q là cháu H đã thành niên anh chị đều không có đề nghị gì. Đối với cháu V hiện nay cháu đã lớn ở với ai do cháu tự quyết định, anh chị đều tôn trọng nguyện vọng của cháu, nếu cháu ở với ai thì người đó phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại chị L và anh Q sống ly thân nhưng cháu V vẫn đang ở với anh Q, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành đầy đủ. Tại bản tự khai ngày 26/12/2023 nguyện vọng của cháu V xin được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cháu có điều kiện tốt nhất để học hành và phát triển toàn diện, tránh việc ảnh hưởng đến tâm lý cần giao cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trọng V đến khi thành niên là phù hợp

với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Q tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trọng Q đều xác định là vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất, tuy nhiên khi ly hôn anh chị đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trọng Q đều xác định vợ chồng không có, ly hôn anh chị đều không có đề nghị gì, nên HĐXX không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Trọng Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Trọng V, sinh ngày 05/5/2007 cho anh Phạm Trọng Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q do anh Q tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004201 ngày 04/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trọng Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Thanh Sơn, H. Thanh Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẮM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Anh Ninh